

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2421/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 114/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1958; HKTT: Phường TH, thành phố BH tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: phường BH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1954; HKTT: Phường TH, thành phố BH tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:**

Bà H và ông Nguyễn Khắc H tự nguyện tìm hiểu và đến năm 1980, có tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau. Năm 1981 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn

ngày 30/01/1981, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Từ năm 2005 đến nay, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Từ tháng 09/2020 đến nay, ông H chuyển ra ngoài ở, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà H xin ly hôn với ông Nguyễn Khắc H.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 20/8/1994 và cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 08/10/1996. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn ông Nguyễn Khắc H:** Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H. Đối với các con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 20/8/1994 và cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 08/10/1996. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tổ tụng:

- Về tư cách tổ tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Khắc H. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà H là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Theo biên bản xác minh ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì ông Nguyễn Khắc H đang cư trú tại phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về thủ tục tố tụng khác:** Bà Bùi Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Khắc H đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Khắc H tự nguyện tìm hiểu và đến năm 1980, có tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau. Năm 1981 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/01/1981, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà H khai, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Từ năm 2005 đến nay, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Từ tháng 09/2020 đến nay, ông H chuyển ra ngoài ở, không còn quan tâm đến nhau. Nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 12 năm 2022, Ủy ban nhân dân phường Tân Biên xác định vợ chồng bà H, ông H có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ vì các đương sự không trình báo hay yêu cầu địa phương hòa giải. Từ khi bà H gửi đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên được coi là bỏ mặc, không còn quan tâm đến việc giữ gìn và bảo vệ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông H đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Ông H bỏ mặc nên việc đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc là khó thực hiện được. Do đó, bà H xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà H xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 20/8/1994 và cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 08/10/1996. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H không lên Tòa cung cấp lời khai về tài sản chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H không lên Tòa cung cấp lời khai về nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 57, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Khắc H.

Bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Khắc H.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 20/8/1994 và cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 08/10/1996. Hiện nay, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

Lê Thị Nguyệt